

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

Số: 73/2021/HNGĐ - ST

Ngày 14 tháng 9 năm 2021

V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Với thành phần H đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các H thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảng, Bà Hoàng Thị Hồng

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Chu
Ngọc Linh - kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ
án dân sự sơ thẩm thụ lý số 199/2021/TLST- HNGĐ ngày 25/6/2021 về việc
“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
68/2021/QĐST-DS ngày 16/8/2021, quyết định hoãn phiên tòa số
42/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Khổng Ngọc H, sinh năm: 1982 (có mặt)

ĐKKHKT: Số nhà 88, đường Lê Lợi, pH Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

ĐKKHKT: Số nhà 88, đường Lê Lợi, pH Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B

Nơi ở: Số nhà 16, đường Nguyễn Thị Lưu 4, pH Ngô Quyền, thành phố B,
tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 21/6/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên
đơn anh Khổng Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị Thu H đã kết hôn trên cơ sở tự
nguyện và hợp pháp. Vợ chồng anh đã đăng ký kết hôn tại UBND pH Lê Lợi,
thành phố B ngày 21/4/2009 và tổ chức lễ cưới tại gia đình hai bên theo phong
tục tập quán. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau và sinh sống
cùng mẹ anh tại số nhà 88, đường Lê Lợi, pH Lê Lợi, thành phố B. Từ khi kết
hôn cho đến năm 2019, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, năm 2020 thì xảy
ra mâu thuẫn, đến tháng 8 năm 2020 thì mâu thuẫn liên tiếp xảy ra gay gắt,

nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con, trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, do chị H làm ăn, vay nợ nhưng không nói cho anh biết, khiến vợ chồng không còn nói chuyện được với nhau. Từ tháng 10 năm 2020 anh và chị H đã sống ly thân. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không liên lạc với nhau, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Không Vân K, sinh ngày 02/9/2009 và Không Tuấn Đ, sinh ngày 22/02/2015. Các con đều khỏe mạnh và đang sống cùng anh. Nay ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị H phải đóng góp vì hiện anh và các con có nơi cư trú ổn định, anh có nghề nghiệp lái xe, thu nhập ổn định đủ để nuôi hai con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hoàng Thị Thu H đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập và các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai nêu ý kiến, quan điểm của chị đối với yêu cầu khởi kiện của anh H.

Bà Nguyễn Thị Tâm trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh H, mẹ chồng của chị H. Từ khi anh H và chị H kết hôn đến nay, vợ chồng anh H sinh sống cùng bà tại địa chỉ số nhà 88, đường Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố B. Trong quá trình chung sống chị H không có mâu thuẫn với ai trong gia đình chồng. Giữa anh H và chị H tình cảm vợ chồng hòa thuận đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn do chị H làm ăn, vay nợ nhiều, tự ý đi vay ngoài không cho anh H biết dẫn đến sau đó vợ chồng cãi nhau gay gắt. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ đầu năm 2020 cho đến tháng 10 năm 2020 thì chị H và anh H quyết định sống ly thân, chị H có sang nhà chị gái ở số nhà 16, đường Nguyễn Thị Lưu 4, thành phố B, hiện chị H có ở nhà chị gái hay không bà không biết vì chị H không gọi điện thoại cho bà mà chỉ gọi điện cho con gái, con trai. Trước khi chị H và anh H quyết định sống ly thân bà đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải mâu thuẫn cho hai vợ chồng nhưng không được. Nay anh H yêu cầu ly hôn là quyền của anh, hiện nay anh H và các cháu vẫn đang sống cùng bà, bà đề nghị giao cả hai con cho anh H nuôi.

Cháu Không Vân K trình bày: Cháu là con bố H, mẹ H. Từ khi bố mẹ ly thân đến nay cháu và em Đ vẫn ở cùng bố và bà nội, còn mẹ cháu sang nhà bác gái ở, hiện mẹ cháu đi làm và vẫn thường xuyên gọi điện liên lạc với cháu và em Đ, mẹ có biết việc bố gửi đơn ly hôn, nhưng mẹ nói không về được do dịch bệnh. Bố, mẹ ly hôn cháu và em xin được ở cùng bố và bà nội.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, H đồng ý xét xử, thư ký là đúng pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, bị đơn đã không chấp hành đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ

theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227, điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc H về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị xử cho anh Khổng Ngọc H và chị Hoàng Thị Thu H ly hôn, giao anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Khổng Vân K, sinh ngày 02/9/2009 và Khổng Tuấn Đ, sinh ngày 22/02/2015. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét. Về án phí, anh H phải chịu. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, H đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của anh Khổng Ngọc H cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, nguyên đơn và bị đơn có hộ khẩu cư trú tại thành phố B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điều 28, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã chấp hành đúng pháp luật. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã không thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho thấy anh Khổng Ngọc H và chị Hoàng Thị Thu H đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND pH Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B ngày 21/4/2009, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Lời khai của anh Khổng Ngọc H, cùng lời khai của bà Nguyễn Thị Tâm, cháu Khổng Vân K cho thấy, giữa anh H và chị H đã xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 2020 đến tháng 8 năm 2020, do mâu thuẫn gay gắt nên vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng trong nuôi dạy con và làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Từ tháng 10 năm 2020 đến nay giữa anh H và chị H không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị H đã trầm trọng, kéo dài, gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả, nay anh H kiên quyết ly hôn, xét ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, căn cứ điều 51, điều 56 của Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh H, xử cho anh Không Ngọc H và chị Hoàng Thị Thu H ly hôn.

Về con chung: Anh H và chị H có hai con chung là Không Vân K, sinh ngày 02/9/2009 và Không Tuấn Đ, sinh ngày 22/02/2015, anh H xin được nuôi cả hai con. Do hiện nay hai cháu K, Đ đều đang ở cùng anh H, bản thân anh H có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, có nơi cư trú nên đủ điều kiện để nuôi con, các con có nguyện vọng ở cùng bố, còn chị H hiện đi làm không có ở nhà, không có nơi ở ổn định nên HĐXX quyết định giao anh H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H, chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227, điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc H về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Không Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Không Ngọc H và chị Hoàng Thị Thu H ly hôn.

Về con chung: Giao cho anh Không Ngọc H quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Không Vân K, sinh ngày 02/9/2009 và Không Tuấn Đ, sinh ngày 22/02/2015.

Về cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu nên chị Hoàng Thị Thu H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Về án phí: Anh Không Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0002346 ngày 25/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng Đ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

VKSND TP B;
TAND, VKSND Tỉnh B;
THADS TP B;
UBND pH Lê Lợi;
Các đương sự;
Lưu.

T.M H ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

CÁC H THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

VKSND TP B;
TAND, VKSND Tỉnh B;
THADS TP B;
UBND pH Trần Phú;
Các đương sự;
Lưu.

T.M H ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

